



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỞNG BAN NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 37: từ ngày 21/04/2025 đến ngày 27/04/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY							
TT63A1 P.203	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp Thực tập cơ bản (Bình)	1 3	Thực tập cơ bản (Bình)	4	Thực tập cơ bản (Bình)	4
CNTY63A3 P.302	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp Ngoại sản (Lệ)	1 3	KTNPTB cho trâu bò (Vân)	4	KTNPTB cho trâu bò (Vân)	4
CNTY63A4 P.205	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp KTNPTB cho trâu bò (Phượng)	1 3	Ngoại sản (Hưng)	4	KTNPTB cho trâu bò (Phượng)	4
KTDN63A P.204	Sáng						
	Chiều	Kế toán HCSN (P.Thảo)	2	THKT trong DNSX (T.Thảo)	4	Tin học kế toán (Mai)	4
CNTT63A1 P.TH	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp Đồ họa ứng dụng (Quang)	1 3	Xử lý ảnh với Corel (Thảo)	4	Đồ họa ứng dụng (Quang)	4
CNTT63A2 P.TH	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp SD các thiết bị VP (Trường)	1 3	QHTT Web và Mail Server (Hà)	4	Xử lý ảnh với Corel (Thảo)	4
TT64A1 P.306	Sáng	Sinh hoạt lớp Thủy nông (Bình)	1 4	Khuyến nông (Thọ)	4	Cây lương thực (Thọ)	4
	Chiều			Côn trùng đại cương (Lịch)	4	Côn trùng chuyên khoa (Huệ)	4
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp VSV - TN (Hòa)	1 4	Tin học (Hà)	4	Dược lý thú y (Lệ)	4
	Chiều			Dược lý thú y (Lệ)	4	Kỹ thuật truyền giống (Quyên)	4
CNTY64A3 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp Dược lý thú y (H.Nga)	1 4	CĐ và ĐTH thú y (Lệ)	4	Dược lý thú y (H.Nga)	4
	Chiều			Dược lý thú y (H.Nga)	4	Dược lý thú y (H.Nga)	4

KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp Tài chính DN (Hoa)	1 4	Soạn thảo VB (Sơn)	4	Lý thuyết TCTT (T.Huyền)	4	Soạn thảo VB (Sơn)	4	Kế toán DNI (Q.Mai)	4	Tin học (Thảo)	4
	Chiều												
KTDN64A2 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp Tài chính DN (Thúy)	1 4	Tài chính DN (Thúy)	3	Lý thuyết TCTT (P.Thảo)	4	Soạn thảo VB (H.Nga)	4	Tin học (Trưởng)	4	Nguyên lý Marketing (Sơn)	4
	Chiều												
CNTT64A1 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Tổ chức QLDN (Sơn)	1 4	Mạng máy tính (Trưởng)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Lập trình cơ bản (Thảo)	4	Pháp luật (Huyền)	4	Mạng máy tính (Trưởng)	4
	Chiều												
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp Tổ chức QLDN (T.Thảo)	1 4	Pháp luật (Huyền)	4	Mạng máy tính (Quang)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tiếng anh CNTT (Phiên)	4
	Chiều												
ĐCN63A1 P.A102	Sáng											Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4
	Chiều	Sinh hoạt lớp Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4		
ĐCN63A2 P.A103	Sáng											Cung cấp điện (Đ.Đức)	4
	Chiều	Sinh hoạt lớp Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	1 3	Trang bị điện (Nga)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4		
ĐCN64A1 P.A102	Sáng	Sinh hoạt lớp Khí cụ điện (Nga)	1 4	Máy điện (Tuấn)	3	Tiếng anh (Linh) (P.302)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Tiếng anh (Linh) (P.302)	4
	Chiều												
ĐCN64A2 P.A103	Sáng	Sinh hoạt lớp Máy điện (Giáp)	1 4	Tiếng anh (K.Nhung) (P.303)	4	Truyền động điện (Nga)	4	Máy điện (Giáp)	4	Đo lường điện (A.Đức)	4	Truyền động điện (Nga)	4
	Chiều												
ĐCN64A3 P.A301	Sáng	Sinh hoạt lớp Tiếng anh (K.Nhung)	1 4	Khí cụ điện (Đ.Đức)	4	Máy điện (Dương)	4	Máy điện (Dương)	4	Máy điện (Dương)	4	Đo lường điện (Tuấn)	4
	Chiều												
ĐCN 63B	Sáng												
	Chiều	Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4	Cung cấp điện (Huân)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Cung cấp điện (Huân)	4
ĐCN64B	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Khí cụ điện (Đ.Đức)	4	Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4
	Chiều												
TL63	Sáng												
	Chiều	KT nền móng (N.Đức)	4									KT nền móng (N.Đức)	4

TL64B	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	QLVH tưới tiêu (Huyện) 4	QLVH tưới tiêu (Huyện) 4	Trắc địa (N.Đức) 4
	Chiều						
KTDN63B	Sáng						
	Chiều	Kiểm toán (Mai) 3	THKT trong DNSX (Dung) 3	Kế toán HCSN (T.Thảo) 3	THKT trong DNSX (Dung) 4		Kiểm toán (Mai) 3
KTDN64B	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Soạn thảo văn bản (Mai) 4	Luật kinh tế (Nga) 4	Tài chính DN (Dung) 4
	Chiều						
CBBQ63	Sáng						
	Chiều	CB khô thủy sản (Liên) 4	Sản xuất sạch hơn (Năm) 3	Sản xuất sạch hơn (Năm) 3			Sản xuất sạch hơn (Năm) 3
CBBQ64	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	CB Surimi (Năm) 4	Thu mua, BQ, VCNVL (Liên) 4	CB Surimi (Năm) 4
	Chiều						
ĐKT63	Sáng						
	Chiều	Điều động tàu 2 (Trung) 3	Tiếng anh CN hàng hải (Nhưng) 3	Địa văn hàng hải (Tiến) 3	Điều động tàu 2 (Trung) 3		Tiếng anh CN hàng hải (Nhưng) 3
KTMTT63	Sáng						
	Chiều	TH cơ bản (Đồng) 3	TH cơ bản (Đồng) 3	TH cơ bản (Đồng) 3	TH cơ bản (Đồng) 3		TH cơ bản (Đồng) 3
KTMTT64	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tiếng anh CN A1 (T.Nhung) 4	KT điện - điện lạnh (Tiến) 4	Cơ kỹ thuật (N.Đức) 4
	Chiều						
NTTS64	Sáng	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Bệnh động vật thủy sản (Ánh) 4	Bệnh động vật thủy sản (Ánh) 4	SX giống cá biển (Ánh) 4
	Chiều						

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT64A2 P.305	Sáng	Thực tập cơ bản (Hương) 4	Sinh hoạt lớp 1 Thực tập cơ bản (Hương) 4	Thực tập cơ bản (Hương) 4
	Chiều	Thực tập cơ bản (Hương) 4	Thực tập cơ bản (Hương) 4	Thực tập cơ bản (Hương) 4

TT64A3 P.304	Sáng	GDTC (Hà)	4	Sinh hoạt lớp Sinh lý TV (Bình)	1	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Tin học (Thoa)	4	Sinh lý TV (Bình)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
CN63A2 P.303	Sáng	KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4	Sinh hoạt lớp KT thịt và các SP khác (Phượng)	1 4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4
	Chiều	Ngoại sản (Lệ)	4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4	Ngoại sản (Lệ)	4
CN64A2 P.304	Sáng	GDTC (Hà)	4	Sinh hoạt lớp Giống vật nuôi (Hằng)	1 4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Tin học (Thoa)	4	GP sinh lý vật nuôi (H.Nga)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
 HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 CAO ĐẲNG
 NÔNG NGHIỆP
 THANH HOÁ
 Đoàn Văn Lưu

HÀNH



THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 37: từ ngày 21/04/2025 đến ngày 27/04/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
VH62B1 P.303	Sáng					Hóa học (Hà) 4	
VH62B3 P.201	Sáng	GDKT và PL (Quyên) 2 (Ôn tập)	HDTN (Phượng) 1 Sinh học (Phượng) 3	Toán (Nhưng) 4	Địa lý (Thủy) 2 Ngữ văn (Hằng) 2	Vật lý (Hòa) 4	Lịch sử (Dự)
	Chiều	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)	GDKT và PL (Quyên) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Địa lý (Thủy) 4	Toán (Nhưng) (Ôn tập)
VH62B4	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 4	HDTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	GDKT và PL (Quyên) 2 (Ôn tập)	Toán (Nhưng) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)	Vật lý (Hòa)
	Chiều	Toán (Nhưng) 4	Hóa học (Vân) 4	Lịch sử (Hà) 4	Lịch sử (Hà) 4	Lịch sử (Hà) 4	Địa lý (Thủy) 4
VH62B5 P.104	Sáng	HDTN (Quý) 1 Toán (Quý) 4	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)		Lịch sử (Dự) 3 GDKT và PL (Quyên) 2	Vật lý (Vân) 4	Địa lý (Ngọc) 2 (Ôn tập)
	Chiều	CD GDKT và PL (Tài) 4	Sinh học (Phượng) 4	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)	Toán (Quý) 2 (Ôn tập)	CD GDKT và PL (Tài) 2 Sinh học (Phượng) 2	Ngữ văn (Hằng) 4
VH63B1	Sáng	CD Lịch sử (Hà) 5	HDTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 3 CD Ngữ văn (Hằng) 2	Hóa học (Vân) 3 GDKT và PL (Đ.Thủy) 2		Toán (Nhưng) 3 GDKT và PL (Đ.Thủy) 2
	Chiều					Địa lý (Thủy) 4	
VH63B3 P.203	Sáng	HDTN (Hà) 1 Hóa học (Hà) 2 Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hương) 3 CD Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hương) 3 Sinh học (Phượng) 2	Toán (Thảo) 5	Địa lý (Chung) 3 GDKT và PL (Quế) 2	Toán (Thảo) 5
	Sáng	HDTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Hóa học (Vân) 3 Ngữ văn (H.Hà) 2	CD Ngữ văn (H.Hà) 3 Ngữ văn (H.Hà) 2	Sinh học (Phượng) 3 Ngữ văn (H.Hà) 2	Toán (Nhưng) 3 Địa lý (Chung) 2	GDKT và PL (Quyên) 3
VH63B5 P.A101	Sáng	HDTN (Quế) 1 Vật lý (Hòa) 2 Hóa học (Hà) 2	Lịch sử (Dự) 3 Toán (Trang) 2	Vật lý (Hòa) 3 Lịch sử (Dự) 2	Hóa học (Hà) 2 Địa lý (Thủy) 3	Ngữ văn (Hương) 3 CD Ngữ văn (Hương) 2	
	Chiều						CD Địa lý (Thủy) 4

VH63B6 P.302	Sáng	HDTN (Hoà) 1 Ngữ văn (Hương) 4	Vật lý (Hòa) 3 Hoá học (Vân) 2	Lịch sử (Dự) 3 GDKT và PL (Quế) 2	Địa lý (Nhài) 5 Lịch sử (Dự) 2 CD Lịch sử (Dự) 3	
	Chiều					GDKT và PL (Quế) 4
VH63B7 P.301	Sáng	HDTN (Nga) 1 CD Địa lý (Nhài) 4	Ngữ văn (H.Hà) 3 Toán (Quý) 2	Toán (Quý) 3 Vật lý (Hòa) 2	GDKT và PL (Nga) 2 Vật lý (Hòa) 3	CD Ngữ văn (H.Hà) 4
	Chiều					Lịch sử (Dự) 4
VH63B8 P.204	Sáng	HDTN (K.Nhung) 1 Sinh học (Phượng) 2 Vật lý (Hòa) 2	Địa lý (Nhài) 3 CD Địa lý (Nhài) 2	GDKT và PL (Quế) 3 Ngữ văn (Hương) 2	Ngữ văn (Hương) 3 Lịch sử (Dự) 2	CD Ngữ văn (Hương) 4 GDKT và PL (Quế) 2
	Chiều				Địa lý (Nhài) 4	
VH64B1	Chiều	HDTN (Hằng) 1 Ngữ văn (Hằng) 3	CD Địa lý (Thủy) 4	Toán (Hương) 4	Vật lý (Vân) 4	Toán (Hương) 4 CD Lịch sử (Hà) 4
VH64B2 P.306	Chiều	HDTN (Nhung) 1 GDKT và PL (Nga) 3	Địa lý (Chung) 4	Ngữ văn (H.Hà) 2 Sinh học (Hồng) 2	Toán (Trang) 4	Ngữ văn (H.Hà) 2 Lịch sử (Nhung) 2 Hóa học (Vân) 2
VH64B3 P.A202	Chiều	HDTN (Vân) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Toán (Quý) 4	Ngữ văn (Hương) 4	Địa lý (Thủy) 4	Lịch sử (Nhung) 2 Ngữ văn (Hương) 2 Toán (Quý) 4
VH64B4 P.A101	Chiều	HDTN (H.Nga) 1 Địa lý (H.Nga) 3	Hóa học (Hà) 2 GDKT và PL (Đ. Thúy) 2	Toán (Trang) 4	Ngữ văn (Hương) 4	CD Địa lý (H.Nga) 2 GDKT và PL (Đ. Thúy) 2 Ngữ văn (Hương) 2 Lịch sử (Nhung) 2
VH64B5 P.A301	Chiều	HDTN (Hoà) 1 GDKT và PL (Thắm) 3	CD Vật lý (Hoà) 2 Địa lý (Nga) 2	Ngữ văn (Lý) 4	Lịch sử (Nhung) 2 Địa lý (Nga) 2	Toán (Trang) 4 Địa lý (Nga) 2 Địa lý (Nga) 2 Hóa học (Hà) 2
VH64B6 P.103	Chiều	HDTN (H. Hà) 1 Ngữ văn (H.Hà) 3	Lịch sử (Nhung) 4	Địa lý (Nhài) 4	GDKT và PL (Quyên) 2 Lịch sử (Nhung) 2	Địa lý (Nhài) 4 Hóa học (Hà) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2

VH64B7 P.101	Chiều	HDTN (Dữ) Lịch sử (Nhưng)	1 3	GDKT và PL (Đ. Thủy) Ngữ văn (Hương)	2 2	Sinh học (Phượng) Lịch sử (Nhưng)	2 2	Toán (Thảo)	4	Địa lý (Chung)	4	Toán (Thảo)	4
VH64B8 P.102	Chiều	HDTN (Phiên) Sinh học (Hồng)	1 3	Toán (Trang)	4	Lịch sử (Nhưng) Hóa học (Vân)	2 2	Địa lý (Chung)	4	Ngữ văn (Lý)	4	GDKT và PL (Nga)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

